

# Tiếng Mới và Ân Tứ Nói Ngoại Ngữ

Thánh Kinh Việt ngữ dùng bốn từ ngữ "tiếng mới," "tiếng lạ," "các thứ tiếng" và "tiếng ngoại quốc" để dịch hai từ ngữ hoàn toàn khác nhau trong nguyên ngữ Hy-lạp. Sự khác nhau đó là thể nào? Xin phép được mạn bàn tại đây.

## I. Dữ kiện

Trước hết, xin liệt kê các câu Thánh Kinh Việt ngữ có các từ ngữ "tiếng mới," "tiếng lạ," "các thứ tiếng" và "tiếng ngoại quốc." Kèm theo các từ ngữ đó là nguyên ngữ Hy-lạp và từ Anh ngữ tương đương được đặt trong hai dấu ngoặc vuông [ ]. Xin chú ý, cách dùng số ít "language" và số nhiều "languages" trong tiếng Anh là phản ánh trung thực từ nguyên ngữ:

### 1. Tiếng mới

Mác 16:17 "Vậ những kẻ tin sẽ được các dấu lạ này: lấy danh Ta mà trừ quỷ; dùng **tiếng** [glōssa - languages] **mới** [kainos - new] mà nói."

### 2. Tiếng lạ

I Cô-rinh-tô 12:30 "Cả thầy đều được ơn chữa bệnh sao? Cả thầy đều nói **tiếng lạ** [glōssa - languages] sao? Cả thầy đều thông giải **tiếng lạ** [trong nguyên ngữ chỉ có chữ "diermēneuō" nghĩa là phiên dịch, không có chữ "glōssa"] sao?"

I Cô-rinh-tô 13:8 "Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ. Các lời tiên tri sẽ hết, sự ban cho nói **tiếng lạ** [glōssa - languages] sẽ thôi, sự thông biết hầu bị bỏ."

I Cô-rinh-tô 14:2 "Vì người nào nói **tiếng lạ** [glōssa - languages], thì không phải nói với người ta, bèn là với Đức Chúa Trời, bởi chẳng có ai hiểu (ấy là trong tâm thần mà người kia nói lời mầu nhiệm)."

I Cô-rinh-tô 14:4 "Kẻ nói **tiếng lạ** [glōssa - language], tự gây dựng lấy mình; song kẻ nói tiên tri, gây dựng cho Hội thánh."

I Cô-rinh-tô 14:5 "Tôi ước ao anh em đều nói **tiếng lạ** [glōssa - languages] cả, song tôi còn ước ao hơn nữa là anh em nói tiên tri. Người nói tiên tri là trọng hơn kẻ nói **tiếng lạ** [glōssa - languages] mà không giải nghĩa để cho Hội thánh được gây dựng."

I Cô-rinh-tô 14:6 "Hỡi anh em, ví bằng tôi đến cùng anh em, nói các thứ **tiếng lạ** [glōssa - languages], mà lời nói tôi chẳng tỏ sự mầu nhiệm, chẳng có sự thông biết, chẳng có lời tiên tri, chẳng có sự khuyên dạy, thì ích gì đến anh em?"

I Cô-rinh-tô 14:13 "Bởi đó, kẻ nói **tiếng lạ** [glōssa - language], hãy cầu nguyện để được thông giải tiếng ấy."

I Cô-rinh-tô 14:14 "Vì nếu tôi cầu nguyện bằng **tiếng lạ** [glōssa - language], thì tâm thần tôi cầu nguyện, nhưng trí khôn tôi lơ lửng."

I Cô-rinh-tô 14:18 "Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời, vì đã được ơn nói **tiếng lạ** [glōssa - languages] nhiều hơn hết thầy anh em."

I Cô-rinh-tô 14:19 "nhưng thà tôi lấy năm lời bằng trí khôn mình mà rao giảng trong Hội thánh, để được dạy bảo kẻ khác, hơn là lấy một vạn lời bằng **tiếng lạ** [glōssa - language]."

I Cô-rinh-tô 14:21 "Trong luật pháp có chép rằng: Chúa phán: Ta sẽ nhờ những người nói **tiếng lạ** [glōssa - languages], và mỗi miệng người ngoại quốc mà phán cho dân này; dầu vậy họ cũng chẳng nghe ta."

I Cô-rinh-tô 14:23 "Vậy thì cả Hội thánh nhóm lại một nơi, nếu ai nấy đều nói **tiếng lạ** [glōssa - languages], mà có kẻ tầm thường hoặc người chẳng tin vào nghe, họ há chẳng nói anh em là điên cuồng sao?"

I Cô-rinh-tô 14:26 "Hỡi Anh em, nên nói thế nào? Khi Anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kín nhiệm, hoặc nói **tiếng lạ** [glōssa - languages], hoặc giải **tiếng lạ** [trong nguyên ngữ chỉ có chữ "hermeneia" nghĩa là thông giải, không có chữ "glōssa"] chẳng? Hãy làm hết thảy cho được gây dựng."

I Cô-rinh-tô 14:27 "Ví bằng có người nói **tiếng lạ** [glōssa - language], chỉ nên hai hoặc ba người là cùng; mỗi người phải nói theo lượt mình, và phải có một người thông giải."

I Cô-rinh-tô 14:39 "Ấy vậy, hỡi anh em, hãy trông mong ơn nói tiên tri, và đừng ngăn trở chi về điều nói **tiếng lạ** [glōssa - languages]."

### 3. Các thứ tiếng khác

Công Vụ Các Sứ Đồ 2:4 "Hết thảy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các **thứ tiếng khác**, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói."

I Cô-rinh-tô 14:22 "Thế thì, **các thứ tiếng** [glōssa - languages] là một dấu, chẳng cho người tin Chúa, song cho người chẳng tin; còn như lời tiên tri là một dấu, chẳng phải cho người không tin, song cho người tin Chúa."

### 4. Tiếng ngoại quốc

Công Vụ Các Sứ Đồ 10:46 "Vì các tín đồ nghe họ nói **tiếng ngoại quốc** [glōssa - languages] và khen ngợi Đức Chúa Trời."

Công Vụ Các Sứ Đồ 19:6 "Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói **tiếng ngoại quốc** [glōssa - languages] và lời tiên tri."

## II. Nhận xét:

### 1. Nói tiếng lạ hay nói ngoại ngữ?

Trước hết, chúng ta cần xác định ý nghĩa của chữ "glōssa" trong nguyên tác Hy-lạp. Theo **Thayer's Greek Definitions** (Bộ Định Nghĩa Tiếng Hy-lạp của Thayer) thì "glōssa" bao gồm các nghĩa như sau:

(1) cái lưỡi, một chi thể của thân thể, một cơ quan của sự nói  
(2) một ngôn ngữ: ngôn ngữ hay thổ ngữ được dùng bởi một sắc dân khác với [ngôn ngữ hay thổ ngữ] của các quốc gia khác.

Như vậy, chữ "glōssa" được dùng trong tất cả các câu Thánh Kinh trưng dẫn trên đây dù là số ít hay số nhiều cũng đều mang nghĩa thứ (2), tức là ngôn ngữ. Khi chữ "glōssa" được dùng ghép với



44 Khi Phi-e-rơ đương nói, thì Đức Thánh Linh giáng trên mọi người nghe đạo.  
45 Các tín đồ đã chịu phép cắt bì, là những kẻ đồng đến với Phi-e-rơ, đều lấy làm lạ, vì  
thấy sự ban cho Đức Thánh Linh cũng đổ ra trên người ngoại nữa.  
46 **Vì các tín đồ nghe họ nói tiếng ngoại quốc và khen ngợi Đức Chúa Trời.**

### c) Công Vụ Các Sứ Đồ 19:6

"Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, **cho nói tiếng ngoại quốc và lời tiên tri.**"

## 2. Tiếng mới

Từ ngữ này chỉ được dùng có một lần trong Mác 16:17 và chắc chắn là có một ý nghĩa khác biệt với ân tứ nói ngoại ngữ là một trong các ân tứ do Đức Thánh Linh "theo ý Ngài muốn, phân phát sự ban cho riêng cho mỗi người" (I Cô-rinh-tô 12:11):

"VẬY NHỮNG KẸ TIN SẼ ĐƯỢC CÁC DẤU LẠ NÀY: LẤY DANH TA MÀ TRỪ QUỶ; DÙNG **TIẾNG** [glōssa - languages] **MỚI** [kainos - new] MÀ NÓI."

Trong nguyên tác, tính từ "kainos" có nghĩa là "mới" được dùng chung với danh từ "glōssa" số nhiều. Nếu dịch câu trên cho sát với nguyên tác thì sẽ như sau: "Và những dấu hiệu này sẽ theo những kẻ tin: Trong danh Ta họ sẽ đuổi quỷ, họ sẽ nói những thứ tiếng mới."

Tiếng mới hay ngôn ngữ mới ở đây khác với ngoại ngữ hay tiếng ngoại quốc được dùng trong những câu Thánh Kinh chúng ta vừa bàn đến phía trên. Tiếng mới này là tiếng của những người đã được dựng nên mới sử dụng: Tiếng của sự yêu thương! Chỉ có những ai đã được dựng nên mới thì mới biết và dùng thứ tiếng mới này. Khi một người đã được dựng nên mới thì "những sự cũ đã qua đi" trong đó có luôn thứ tiếng cũ của hận thù, cay đắng, châm chọc, mỉa mai, thô tục, kiêu ngạo...

"VẬY, NẾU AI Ở TRONG ĐẰNG CHRIST, THÌ NẤY LÀ NGƯỜI DỰNG NÊN MỚI; NHỮNG SỰ CŨ ĐÃ QUA ĐI, NÀY MỌI SỰ ĐỀU TRỞ NÊN MỚI." (II Cô-rinh-tô 5:17)

Trong khi "nói ngoại ngữ" là một trong các ân tứ do Đức Thánh Linh "theo ý Ngài muốn, phân phát sự ban cho riêng cho mỗi người" nghĩa là không phải con dân Chúa nào cũng nhận được thì "nói tiếng mới" là một dấu hiệu đi theo những kẻ tin! Nghĩa là, bất kỳ ai thực lòng tin nhận Chúa, được tái sinh thì đều nói tiếng mới! Từ ngữ "tiếng mới" được dùng trong Mác 16:17 dưới hình thức số nhiều cho chúng ta biết người thuộc dân tộc nào, ngôn ngữ nào, khi được đổi mới sẽ dùng tiếng mới của chính dân tộc đó, ngôn ngữ đó. Nếu tôi là người Việt Nam được dựng nên mới trong Đấng Christ thì tôi sẽ nói một thứ tiếng Việt Nam mới, là thứ tiếng Việt Nam thể hiện sự thương xót, công bình và thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Người không thật lòng tin Chúa thì không có được các dấu hiệu "nói tiếng mới," "trong danh Chúa trừ quỷ..." cho nên họ vẫn còn nói năng thô tục, giả ngộ tầm phào, bàn chuyện huyền, và không ngại thốt ra những lời cay độc, kiêu căng, ngạo mạn... Những người như thế dễ dàng bị sập bẫy của Satan để khoác cho mình những thứ "ân tứ giả" như: "nói tiếng lạ," "chữa bệnh," "đuổi quỷ," "nói tiên tri..." vì họ không có được dấu hiệu thật của những người đã thật lòng "tự bỏ mình đi, mỗi ngày vác thập tự giá mình mà theo" Chúa! (Lu-ca 9:23).

### Kết luận

Ngày nay, hiện tượng "nói tiếng lạ" là một trong những động cơ phá tán Hội Thánh Chúa một cách đáng sợ nhất. Nhiều người chần bầy thiếu khôn ngoan (mà lại không cầu xin Chúa - Gia-cơ 1:5) để phân biệt ân tứ nói ngoại ngữ đến từ Đức Thánh Linh với hiện tượng "nói tiếng lạ" đến từ tà linh

cho nên đã dung chứa các sứ giả của Satan trong Hội Thánh (II Cô-rinh-tô 11:14, 15). Hậu quả là trong vòng ba năm Hội Thánh địa phương bị phá tán.

Hy vọng rằng trong các bản hiệu đính hoặc trong các bản dịch tương lai, Thánh Kinh Việt ngữ sẽ không còn những thiếu sót về thuật ngữ khiến gây ra những hiểu lầm, ảnh hưởng tai hại đến sự hiểu biết và áp dụng Lời Chúa vào trong cuộc sống của con dân Chúa người Việt.

**Huỳnh Christian Timothy**

**28/12/2009**